

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 17/2024/HS-PT
Ngày 22 - 01 - 2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nguyệt

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Thuỷ;

Bà Lê Thị Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Lan – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 319/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo **Trịnh Quang S** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân **huyện T, tỉnh Thanh Hóa**.

- Bị cáo kháng cáo: **Trịnh Quang S** – Sinh năm 1992; Nơi cư trú: **Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Trịnh Quang D** và bà **Lê Thị B**; Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ **Trần Minh Thanh H**, Con có 01 con sinh năm 2020. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/7/2023 đến ngày 04/7/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang tạm giam tại **Trại giam Công an tỉnh T**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1960; Địa chỉ: **Tổ dân phố I, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa** (Vắng mặt)

2. Bà **Hà Thị S1**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: **Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N** (Vắng mặt)

3. Ông **Lê Văn B1**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: **Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2023 đến ngày 01/7/2023, **Trịnh Quang S** đã 3 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn các huyện Y, N và **Triệu S2**, với tổng số tiền chiếm đoạt là 160.000.000đ, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 17/6/2023, **Trịnh Quang S** điều khiển xe ô tô BKS: 36A – 789.13 của **Công ty V** đến nhà ông **Lê Hữu T** ở thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. **Trịnh Quang S** nói với ông **T** chuyển số tiền 70.000.000đồng vào tài khoản của **S**, **S** đưa tiền mặt cho ông **T**, ông **T** dùng tài khoản của mình số 106861366789 chuyển số tiền 70.000.000đồng vào tài khoản **T1** của **Trịnh Quang S**. Sau khi nhận được tiền **Trịnh Quang S** giả vờ đi vệ sinh rồi lên xe bỏ trốn.

Lần 2: Khoảng 11 giờ ngày 18/6/2023, **Trịnh Quang S** điều khiển xe ô tô BKS 744.75 đến nhà bà **Hà Thị S1**, địa chỉ: **Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. **Trịnh Quang S** nói với bà **Hà Thị S1** chuyển vào tài khoản của **S** số tiền 40.000.000đồng, **Trịnh Quang S** đưa tiền mặt cho bà **S1**. Bà **Hà Thị S1** dùng tài khoản **ngân hàng B2** chuyển đến số tài khoản của **Trịnh Quang S** số 19034722771012. Sau khi nhận được tiền **Trịnh Quang S** giả vờ ra xe ô tô lấy tiền rồi bỏ chạy.

Lần 3: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 01/7/2023, **Trịnh Quang S** điều khiển xe mô tô BKS 36X2 – 2492 từ **thành phố T** lên nhà chị gái tại huyện Y để vay tiền, khi đi đến đoạn đường QL 47, thuộc địa phận **thôn B, xã T, huyện T**, **Trịnh Quang S** nhìn thấy nhà ông **Lê Văn B1** treo biển chuyển tiền nhanh nên **S** nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, **Trịnh Quang S** vào gặp ông **Lê Văn B1** và nói với ông **B1** chuyển vào tài khoản của **S** số tiền 50.000.000đồng, **S** đưa tiền mặt cho ông **B1** thì được ông **B1** đồng ý. Sau khi ông **Lê Văn B1** chuyển vào tài khoản của **Trịnh Quang S** số tiền 50.000.000đồng, **S** liền chuyển số tiền này đến tài khoản **V1** mang tên NGUYEN ANH TUAN, sau đó **Trịnh Quang S** giả vờ ra xe lấy tiền rồi lên xe bỏ chạy thì bị ông **B1** và người dân xung quang bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện T** trưng cầu **Phòng K Công an tỉnh T** giám định phục hồi đối với số điện thoại đã thu giữ của **Trịnh Quang S**. Ngày 28/9/2023, **Phòng K Công an tỉnh T** có bản kết luận giám định số 3464, kết luận: Không tìm thấy dữ liệu điện tử đã xóa của 01 điện thoại di động gửi giám định trong khoảng thời gian từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/7/2023.

Đối với xe mô tô BKS 36X2 – 2496, **Trịnh Quang S** thuê của anh **Lê Đình H1**, sinh năm 1990 ở **đường P, phường Đ, thành phố T** làm phương tiện đi lại, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện T** đã trả lại cho chủ sở hữu.

Xe ô tô BKS 36A – 774.75 thuộc sở hữu của anh **Trịnh Ngọc C**, sinh năm 1974, trú tại **đường N, phường P, thành phố T**. **Trịnh Quang S** thuê xe của anh **C** vào sáng ngày 18/6/2023 và trả xe vào chiều cùng ngày. Anh **C** không biết **S** thuê xe để dùng vào việc phạm tội.

Xe ô tô 36A – 798.13 thuộc sở hữu của **Công ty cổ phần V ASEAN**. Vào thời điểm sáng ngày 17/6/2023, **Trịnh Quang S** đang là nhân viên thử việc của Công ty nên đã đến nhà giám đốc công ty mượn xe để đi công việc, Giám đốc Công ty khi giao xe cũng không biết **Trịnh Quang S** dùng xe vào việc phạm tội.

Tại Bản án số 91/2023/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đã quyết định:

Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Quang S** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Quang S** 05 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày 01/7/2023.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải trả cho ông **Lê Hữu T** = 70.000.000đồng; bà **Hà Thị S1** = 40.000.000đồng; ông **Lê Văn B1** = 50.000.000đồng

* *Về vật chứng:* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại của bị cáo

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 10/VC/2023 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

* *Về án phí:* Áp dụng Điều 135, 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc bị cáo **Trịnh Quang S** phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng 2 khoản = 8.200.000đ

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2023, bị cáo **Trịnh Quang S** có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trịnh Quang S**; sửa Bản án sơ thẩm; giảm cho bị cáo từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2023 đến ngày 01/7/2023, **Trịnh Quang S** đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn các **huyện Y, N** và **Triệu S2**, với tổng số tiền chiếm đoạt là 160.000.000đồng cụ thể:

Lần 1: Khoảng 09 giờ ngày 17/6/2023, **Trịnh Quang S** lừa đảo chiếm đoạt của ông **Lê Hữu T** ở **thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa**, số tiền 70.000.000đồng.

Lần 2: Khoảng 11 giờ ngày 18/6/2023 **Trịnh Quang S** lừa đảo chiếm đoạt của bà **Hà Thị S1** ở **Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** số tiền 40.000.000đồng,

Lần 3: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 01/7/2023, **Trịnh Quang S** lừa đảo chiếm đoạt của ông **Lê Văn B1** ở **thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** số tiền 50.000.000đồng.

Do đó, với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo **Trịnh Quang S** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Theo điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2023 đến ngày 01/7/2023, **Trịnh Quang S** đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn các **huyện Y, N** và **Triệu S2**, với tổng số tiền chiếm đoạt là 160.000.000đồng chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp tài sản của công dân, làm ảnh hưởng trật tự trị an trên địa bàn gây dư luận xấu trong nhân dân.

Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù là nghiêm khắc.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, các bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bản thân bị cáo trong quá trình học tập tại trường Sĩ quan lục quân 2 bị cáo cũng có nhiều thành tích được nhà trường tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến, bị cáo có thời gian tham gia phục vụ trong ngành Công an và được Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo có bà ngoại là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được nhà nước tặng huân chương kháng chiến. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thanh Hóa, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Tại bản án sơ thẩm áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải trả cho ông **Lê Hữu T** số tiền 70.000.000đồng; bà **Hà Thị S1** số tiền 40.000.000đồng; ông **Lê Văn B1** số tiền 50.000.000đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại gồm ông **Lê Hữu T**, bà **Hà Thị S1** và ông **Lê Văn B1**, các bị hại đã nhận đầy đủ số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên công nhận các bị hại đã nhận đủ tài sản.

[4]. Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Tại bản án sơ thẩm buộc bị cáo **Trịnh Quang S** phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng 02 khoản = 8.200.000đồng. Nay do bị cáo đã bồi thường dân sự nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm .

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

1.Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trịnh Quang S**.

Sửa quyết định bản án hình sự sơ thẩm số 91/2023/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s,b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Quang S** 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2023.

Về Trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo đã bồi thường xong cho các bị hại.

* *Về vật chứng:* Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo (Theo biên bản giao nhận vật chứng số 10/VC/2023 ngày 07/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn)

* *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc bị cáo **Trịnh Quang S** phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Trịnh Quang S** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục thi hành án DS huyện Triệu Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Nguyệt